

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2670 /UBND-NC

Hưng Yên, ngày 07 tháng 10 năm 2022

V/v triển khai thi hành  
Luật Cư trú năm 2020

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 13/11/2020, tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Cư trú, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2021. Theo đó, Điều 38 Luật Cư trú quy định: “*Khi công dân thực hiện các thủ tục đăng ký, khai báo về cư trú dẫn đến thay đổi thông tin trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thu hồi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã cấp, thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của Luật này và không cấp mới, cấp lại sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú*”.

Để việc triển khai thực hiện quy định của Luật Cư trú thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà cho công dân trong thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (*Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú có giá trị đến hết ngày 31/12/2012*). Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao triển khai Luật Cư trú năm 2020, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện một số nội dung như sau:

1. Các phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự

1.1. Sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú

Tại khoản 1 Điều 3, Điều 18 và Điều 20. Luật Căn cước công dân năm 2014 quy định căn cước công dân là thông tin cơ bản về lai lịch, nhận dạng của công dân; khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin về căn cước công dân; các thông tin trên mặt thẻ Căn cước công dân, gồm: (1) Ảnh, (2) Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân); (3) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (4) Ngày, tháng, năm sinh; (5) Giới tính; (6) Quốc tịch; (7) Quê quán; (8) Nơi thường trú; (9) Ngày, tháng, năm hết hạn; (10) Đặc điểm nhận dạng; (11) Vân tay; (12) Ngày, tháng, năm cấp thẻ; (13) Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

1.2. Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên thẻ CCCD có gắn chip

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc QRCode (theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) tích hợp với máy tính hoặc thiết bị di

động để đọc thông tin công dân từ mã QRCode trên thẻ CCCD, các thông tin gồm: Số CCCD; số CMND 9 số; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp CCCD.

### 1.3. Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc thông tin trong chip trên thẻ CCCD phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch dân sự... Thiết bị này do Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội nghiên cứu kết hợp sản xuất. Hiện nay, Công an cấp huyện đã được trang cấp và đang sử dụng.

Các thông tin gồm: <sup>(1)</sup> Họ, chữ đệm và tên khai sinh; <sup>(2)</sup> Ngày, tháng, năm sinh; <sup>(3)</sup> Giới tính; <sup>(4)</sup> Quê quán; <sup>(5)</sup> Dân tộc; <sup>(6)</sup> Tôn giáo; <sup>(7)</sup> Quốc tịch; <sup>(8)</sup> Nơi thường trú; <sup>(9)</sup> Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; <sup>(10)</sup> Số chứng minh đã được cấp; <sup>(11)</sup> Ngày cấp; <sup>(12)</sup> Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); <sup>(13)</sup> Đặc điểm nhận dạng; <sup>(14)</sup> ảnh chân dung; <sup>(15)</sup> Trích chọn vân tay; <sup>(16)</sup> Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

1.4. Người dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bằng cách:

Bước 1: Công dân truy cập trang web dân cư quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

Bước 2: Đăng nhập tài khoản/ mật khẩu truy cập (*sử dụng tài khoản Cổng DVC quốc gia*); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng “Thông tin công dân” và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó, nhấn Tìm kiếm.

Bước 4: Thông tin cơ bản của công dân sẽ hiển thị trên màn hình gồm: <sup>(1)</sup> Họ, chữ đệm và tên khai sinh; <sup>(2)</sup> Ngày, tháng, năm sinh; <sup>(3)</sup> Giới tính; <sup>(4)</sup> Nơi đăng ký khai sinh; <sup>(5)</sup> Quê quán; <sup>(6)</sup> Nơi thường trú; <sup>(7)</sup> Số định danh cá nhân; <sup>(8)</sup> Số chứng minh nhân dân.

1.5. Sử dụng ứng dụng VNeID hiển thị các thông tin trên các thiết bị điện tử để phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (theo Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), bằng cách:

Bước 1: Công dân đến cơ quan Công an đăng ký tài khoản mức 2; thực hiện cài đặt ứng dụng VNeID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VNeID.

Bước 2: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau:

- Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên cổng dịch vụ công quốc gia (liên thông với cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng

dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin.

Các thông tin (tùy theo dịch vụ) gồm: <sup>(1)</sup> Họ, chữ đệm và tên khai sinh; <sup>(2)</sup> Ngày, tháng, năm sinh; <sup>(3)</sup> Giới tính; <sup>(4)</sup> Quê quán; <sup>(5)</sup> Dân tộc; <sup>(6)</sup> Tôn giáo; <sup>(7)</sup> Quốc tịch; <sup>(8)</sup> Nơi thường trú; <sup>(9)</sup> Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; <sup>(10)</sup> Số chứng minh đã được cấp; <sup>(11)</sup> Ngày cấp; <sup>(12)</sup> Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); <sup>(13)</sup> Đặc điểm nhận dạng; <sup>(14)</sup> ảnh chân dung; <sup>(15)</sup> Trích chọn vân tay; <sup>(16)</sup> Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

- Sử dụng các thông tin hiển thị trên VNeID:

Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VNeID trên thiết bị di động. Các thông tin căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch của người dân.

Thông tin hiển thị trên VNeID gồm: Số CCCD; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; CCCD có giá trị đến; Đặc điểm nhận dạng; Ngày cấp, Số điện thoại.

- Các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp với hệ thống định danh xác thực điện tử của Bộ Công an để sử dụng xác thực điện tử tài khoản định danh điện tử của người dân.

1.6. Sử dụng giấy xác nhận thông tin về cư trú (ban hành kèm theo Thông tư số 56/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Công dân trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết (Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú). Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân. Giấy xác nhận thông tin về cư trú có giá trị 30 ngày kể từ ngày cấp và có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú xác nhận về việc khai báo cư trú.

Thời gian qua, Bộ Công an cũng đã chỉ đạo Công an các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, tạo điều kiện tối đa cho công dân khi giải quyết thủ tục cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú để thực hiện thủ tục hành chính khi có yêu cầu. Mẫu giấy xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07 ban hành kèm Thông tư số 56/2021/TT-BCA) đã có đầy đủ thông tin cá nhân, thông tin về nơi cư trú của công dân, thông tin về chủ hộ, mối quan hệ của các thành viên trong hộ gia đình, cụ thể: <sup>(1)</sup>Số định danh cá nhân; <sup>(2)</sup> Họ, chữ đệm và tên khai sinh; <sup>(3)</sup> Ngày, tháng, năm sinh; <sup>(4)</sup> Giới tính; <sup>(5)</sup> Quê quán; <sup>(6)</sup> Dân tộc; <sup>(7)</sup> Tôn giáo; <sup>(8)</sup> Quốc tịch; <sup>(9)</sup> Nơi thường trú; <sup>(10)</sup> Nơi tạm trú; <sup>(11)</sup> Nơi ở hiện tại; <sup>(12)</sup> Họ tên chủ hộ, số định danh chủ hộ và Quan hệ với chủ hộ; <sup>(13)</sup> Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

1.7. Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (theo quy định tại Thông tư số 59/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Bộ Công an đã chỉ đạo thực hiện cấp Thông báo số định danh và thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho 100% người dân chưa được cấp CCCD trên toàn quốc để người dân sử dụng giải quyết các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân.

Các thông tin trên Thông báo số định danh cá nhân:: <sup>(1)</sup> Họ, chữ đệm và tên khai sinh; <sup>(2)</sup> Ngày, tháng, năm sinh; <sup>(3)</sup> Giới tính; <sup>(4)</sup> Nơi đăng ký khai sinh; <sup>(5)</sup> Quê quán; <sup>(6)</sup> Dân tộc; <sup>(7)</sup> Tôn giáo; <sup>(8)</sup> Quốc tịch; <sup>(9)</sup> Tình trạng hôn nhân; <sup>(10)</sup> Nơi thường trú; <sup>(11)</sup> Nơi ở hiện tại; <sup>(12)</sup> Quan hệ với chủ hộ; <sup>(13)</sup> Nhóm máu; <sup>(14)</sup> Họ, chữ đệm và tên, của cha, mẹ; <sup>(15)</sup> Số định danh cá nhân.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện một số nội dung như sau:

2.1. Các sở, ban, ngành có liên quan, cơ quan, đơn vị, tổ chức, căn cứ vào thông tin trên thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, Thông báo Số định danh cá nhân, xác nhận thông tin về cư trú và nghiên cứu, sử dụng các phương thức ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân để xác định nơi cư trú của công dân trong giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự; tập trung rà soát, điều chỉnh sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Cư trú 2020, không yêu cầu công dân xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú.

2.2. Đơn vị chức năng đảm bảo về hạ tầng, an ninh, an toàn thông tin hệ thống để triển khai kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm sử dụng thông tin về cư trú của công dân thay cho yêu cầu công dân phải xuất trình giấy tờ chứng minh về cư trú trong giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự và công tác chuyên môn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để hướng dẫn, giải quyết. *HN*

Nơi nhận: *HN*

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC<sup>Hào</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Duy Hưng**